

Số: 43 /2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 7902/VPCP-KTTH ngày 09 tháng 10 năm 2014 về mô hình phòng giao dịch bưu điện;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thỏa thuận được ký kết là các Hợp đồng góp vốn, Hợp đồng khung về hợp tác kinh doanh giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và

Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam.

2. Phòng giao dịch bưu điện là đơn vị phụ thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, được quản lý bởi một chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, thực hiện các dịch vụ ngân hàng hạn chế theo quy định của Thông tư này, hạch toán báo sổ, có con dấu, được đặt tại Bưu cục hoặc Điểm bưu điện văn hóa xã thuộc hệ thống mạng lưới của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam trong lãnh thổ Việt Nam theo thỏa thuận được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam.

3. Chi nhánh quản lý phòng giao dịch bưu điện là chi nhánh của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có chi nhánh hoặc Chi nhánh Tiết kiệm Bưu điện trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chưa có chi nhánh.

4. Phòng giao dịch là đơn vị phụ thuộc của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, gồm:

a) Phòng giao dịch được thành lập và hoạt động theo quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại;

b) Phòng giao dịch được nâng cấp từ phòng giao dịch bưu điện theo quy định tại Thông tư này.

5. Chi nhánh Tiết kiệm Bưu điện là chi nhánh thuộc mạng lưới hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, được thành lập để tiếp nhận nguyên trạng Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 244/TTg-ĐMDN ngày 21 tháng 2 năm 2011.

6. Dịch vụ ngân hàng hạn chế là các nghiệp vụ hoạt động của phòng giao dịch bưu điện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng.

Điều 4. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

1. Theo các quy định tại Thông tư này và phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt nâng cấp phòng giao dịch bưu điện thành phòng giao dịch theo quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

2. Theo các quy định tại Thông tư này và phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (trong trường hợp phòng giao dịch

bưu điện đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng), Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (trong trường hợp phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng):

a) Chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn (trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động);

b) Xác nhận việc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đáp ứng điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn;

c) Xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm trên địa bàn;

d) Bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn.

3. Trong một số trường hợp cụ thể, nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, chính trị và điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định số lượng phòng giao dịch bưu điện được nâng cấp thành phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt khác với quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt

Theo các quy định tại Thông tư này và phù hợp với định hướng phát triển của ngân hàng, Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có thẩm quyền quyết định:

1. Việc thành lập phòng giao dịch bưu điện.
2. Việc thay đổi tên, địa điểm phòng giao dịch bưu điện.
3. Việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn.

Điều 6. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt lập hồ sơ bằng tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

2. Các văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt ủy quyền ký. Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác phải bằng văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt được gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Ngân hàng Nhà nước.

Điều 7. Tổ chức và nội dung hoạt động của phòng giao dịch bưu điện

1. Nhân sự tại các phòng giao dịch bưu điện gồm nhân sự của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và/hoặc nhân sự của các Bưu cục hoặc Điểm bưu điện văn hóa xã thực hiện các nghiệp vụ của phòng giao dịch bưu điện theo thỏa thuận được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Phòng giao dịch bưu điện được thực hiện các nghiệp vụ gồm:

a) Nhận tiền gửi tiết kiệm;

b) Mở tài khoản thanh toán cho cá nhân;

c) Cung ứng séc trắng; rút tiền mặt từ tài khoản thanh toán; thực hiện dịch vụ chi hộ trong nước trong phạm vi số dư tài khoản đối với khách hàng cá nhân có mở tài khoản tại phòng giao dịch bưu điện;

d) Thực hiện dịch vụ thu hộ trong nước;

đ) Dịch vụ chuyển tiền mặt; chi, trả ngoại tệ;

e) Đại lý kinh doanh bảo hiểm theo Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện

Việc khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Nhân sự tại phòng giao dịch bưu điện phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có tối thiểu 03 (ba) người, trong đó có 01 (một) người là kiểm soát viên hoặc chức danh tương đương làm nhiệm vụ kiểm soát và phê duyệt các giao dịch hàng ngày;

b) Đã tham gia khóa học đào tạo nghiệp vụ liên quan do Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt tổ chức (trừ trường hợp cán bộ tốt nghiệp từ trung cấp trở lên trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng);

c) Đối với nhân sự giữ chức danh kiểm soát viên (hoặc chức danh tương đương), phải tốt nghiệp từ trung cấp trở lên trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

2. Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính và chi nhánh quản lý; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

3. Có quy định nội bộ quản lý hệ thống phòng giao dịch bưu điện đáp ứng được các yêu cầu liên quan đến tính an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật và Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

4. Đáp ứng các yêu cầu về an toàn kho quỹ, bảo quản tiền mặt, giấy tờ có giá, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước:

a) Trường hợp trên cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; quận, huyện, thị xã trực thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải chịu trách nhiệm vận chuyển tiền của các phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền theo quy định về kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc;

b) Trường hợp trên cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; quận, huyện, thị xã trực thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt không có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải chịu trách nhiệm vận chuyển tiền của các phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền sau khi trừ hạn mức tồn quỹ tiền mặt cuối ngày về kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có trách nhiệm xây dựng quy định hạn mức tồn quỹ tiền mặt và có các biện pháp đảm bảo an toàn tiền mặt tồn quỹ cuối ngày tại các phòng giao dịch bưu điện, báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện) để giám sát.

Điều 9. Trình tự khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện:

a) Văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đề nghị xác nhận đủ điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt về việc thành lập phòng giao dịch bưu điện.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị xác nhận đủ điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện:

a) Trên cơ sở quyết định của Hội đồng quản trị về việc thành lập phòng giao dịch bưu điện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện) hồ

sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động của phòng giao dịch bưu điện và có văn bản gửi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt xác nhận hoặc không xác nhận đáp ứng điều kiện khai trương hoạt động đối với phòng giao dịch bưu điện; trường hợp không xác nhận, văn bản gửi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải nêu rõ lý do.

3. Sau khi nhận được văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có trách nhiệm thực hiện thủ tục thông báo lập địa điểm kinh doanh theo quy định hiện hành, công bố thông tin về ngày khai trương hoạt động trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch bưu điện.

4. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận đáp ứng đủ điều kiện khai trương hoạt động của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện và có văn bản báo cáo gửi Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện về việc khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện. Quá thời hạn này, văn bản xác nhận của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 10. Trình tự thay đổi địa điểm phòng giao dịch bưu điện

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chỉ được thay đổi địa điểm phòng giao dịch bưu điện trong trường hợp điểm Bưu cục hoặc Điểm bưu điện văn hóa xã nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm trong cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm:

a) Văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đề nghị xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt về việc thay đổi địa điểm phòng giao dịch bưu điện.

3. Trình tự, thủ tục đề nghị xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm:

a) Trên cơ sở quyết định của Hội đồng quản trị về việc thay đổi địa điểm phòng giao dịch bưu điện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng

thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện) hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Thông tư này của phòng giao dịch bưu điện và có văn bản gửi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt xác nhận hoặc không xác nhận đáp ứng xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm; trường hợp không xác nhận, văn bản gửi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện tại địa điểm mới và có văn bản báo cáo gửi Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện. Quá thời hạn này, văn bản xác nhận của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 11. Thủ tục, hồ sơ, điều kiện nâng cấp phòng giao dịch bưu điện thành phòng giao dịch

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt được nâng cấp 01 (một) phòng giao dịch bưu điện đã thành lập và hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thành phòng giao dịch tại mỗi địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chưa có phòng giao dịch. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục nâng cấp các phòng giao dịch bưu điện này thực hiện theo quy định hiện hành về việc thành lập phòng giao dịch của ngân hàng thương mại, ngoại trừ điều kiện về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập.

2. Trường hợp nâng cấp phòng giao dịch bưu điện thành phòng giao dịch ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục nâng cấp phòng giao dịch bưu điện thành phòng giao dịch thực hiện theo quy định hiện hành về việc thành lập phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

3. Tại phòng giao dịch được nâng cấp từ phòng giao dịch bưu điện, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có thể tiếp tục sử dụng nhân sự của Bưu cục hoặc Điểm bưu điện văn hóa xã (nếu xét thấy phù hợp) để thực hiện các dịch vụ ngân hàng hạn chế đã được phép; đối với các dịch vụ ngân

hàng còn lại, phải sử dụng nhân sự của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện

1. Phòng giao dịch bưu điện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động;
- c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chịu trách nhiệm:

- a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch bưu điện chấm dứt hoạt động;
- b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu liên quan việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện;
- c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Đương nhiên chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện

1. Phòng giao dịch bưu điện đương nhiên chấm dứt hoạt động trong trường hợp Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chấm dứt hoạt động hoặc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt Hợp đồng khung về hợp tác kinh doanh giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam.

2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện thực hiện theo quy định của pháp luật về chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

Điều 14. Tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện:

- a) Văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đề nghị chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện trong đó nêu rõ lý do chấm dứt hoạt động;
- b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt về việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện;
- c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch bưu điện chấm dứt hoạt động.

2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện:

- a) Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt lập 01 (một) bộ hồ

sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện;

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có văn bản chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện; trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch bưu điện; có văn bản báo cáo Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện về ngày chấm dứt hoạt động.

Điều 15. Bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện

1. Phòng giao dịch bưu điện bị bắt buộc chấm dứt hoạt động khi hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có văn bản yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện.

3. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện; có văn bản báo cáo Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện về ngày chấm dứt hoạt động.

4. Trường hợp có khiếu nại đối với yêu cầu của Ngân hàng nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện về việc bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt thực hiện các thủ tục khiếu nại theo quy định pháp luật hiện hành về khiếu nại.

Điều 16. Công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận hoặc văn bản yêu cầu chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện

(trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động theo Điều 12 Thông tư này), Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải thực hiện công bố và niêm yết công khai việc chấm dứt hoạt động này trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch bưu điện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và tại Bưu cục, Điểm bưu điện văn hóa xã nơi phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:

1. Tên, địa chỉ của phòng giao dịch bưu điện chấm dứt hoạt động.
2. Thông tin về văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện.
3. Trách nhiệm của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch bưu điện chấm dứt hoạt động.

Điều 17. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt

1. Có kế hoạch phát triển phòng giao dịch bưu điện, nâng cấp phòng giao dịch bưu điện thành phòng giao dịch gắn với kế hoạch phát triển mạng lưới, trình cấp có thẩm quyền của Ngân hàng thông qua hằng năm.
2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng quản trị có quyết định về các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện); đồng thời thực hiện công bố nội dung trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch bưu điện, phòng giao dịch bưu điện có liên quan của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.
3. Tuyển dụng, đào tạo nhân sự của phòng giao dịch bưu điện đảm bảo có đủ trình độ nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp.
4. Xây dựng quy định hạn mức tồn quỹ tiền mặt và có các biện pháp đảm bảo an toàn tiền mặt tồn quỹ cuối ngày tại các phòng giao dịch bưu điện, báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện) kết quả thực hiện định kỳ hàng tháng.
5. Đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ đủ năng lực kiểm soát, phòng ngừa rủi ro và đảm bảo tuân thủ quy định nội bộ và quy định pháp luật có liên quan đến từng phòng giao dịch bưu điện.
6. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất ngày 15 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt báo cáo Ngân hàng Nhà nước:

a) Số liệu huy động vốn của từng phòng giao dịch bưu điện, số liệu huy động vốn tổng hợp của các phòng giao dịch bưu điện trên từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và số liệu huy động vốn tổng hợp của các phòng giao dịch bưu điện do Chi nhánh tiết kiệm bưu điện quản lý theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Số liệu về lãi suất huy động tại từng phòng giao dịch bưu điện theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

8. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Là đầu mối trình Thống đốc xem xét, chấp thuận về việc nâng cấp phòng giao dịch bưu điện thành phòng giao dịch theo quy định tại Thông tư này.

2. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức và hoạt động phòng giao dịch bưu điện.

4. Quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động, trong đó bao gồm cả nội dung xây dựng và thực hiện hạn mức tồn quỹ của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt trên địa bàn đã thành lập Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng.

5. Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn.

3. Quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động, trong đó bao gồm cả nội dung xây dựng và thực hiện hạn mức tồn quỹ của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt trên địa bàn.

4. Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Quy định về chuyển tiếp

Đối với các phòng giao dịch bưu điện đã thành lập và hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải đảm bảo các phòng giao dịch bưu điện đáp ứng đủ điều kiện khai trương hoạt động theo quy định tại Thông tư này. Quá thời hạn này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải chấm dứt hoạt động các phòng giao dịch bưu điện chưa đáp ứng đủ điều kiện khai trương hoạt động theo quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016.

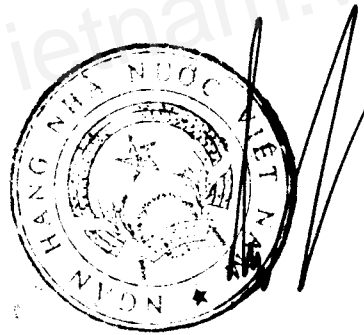
Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.//

Nơi nhận: //

- Như Điều 22;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6.

THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Nguyễn Phước Thanh

Phụ lục số 01

**NGÂN HÀNG TMCP
BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN**

Tháng.....năm.....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu báo cáo	Số dư
(1)	(2)	(3)
I.	BẢNG ĐỒNG VIỆT NAM	
1.	Tiền gửi không kỳ hạn	
2.	Tiền gửi có kỳ hạn	
2.1	Dưới 6 tháng	
2.2	Từ 6 tháng đến 12 tháng	
2.3	Từ 12 tháng đến 24 tháng	
2.4	Từ 24 tháng trở lên	
II.	BẢNG NGOẠI TỆ (quy VND)	
1.	Tiền gửi không kỳ hạn	
2.	Tiền gửi có kỳ hạn	
2.1	Dưới 6 tháng	
2.2	Từ 6 tháng đến 12 tháng	
2.3	Từ 12 tháng đến 24 tháng	
2.4	Từ 24 tháng trở lên	
III.	Tổng cộng (I+II)	

Ngày.....tháng.....năm.....

- 1. Đối tượng báo cáo:** Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.
- 2. Thời hạn báo cáo:** Chậm nhất ngày 15 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.
- 3. Hình thức gửi báo cáo:** Báo cáo điện tử qua Cục Công nghệ tin học.
- 4. Đơn vị nhận báo cáo:**

* Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở nhận báo cáo về số liệu huy động vốn của từng phòng giao dịch bưu điện.

* Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nhận báo cáo về số liệu huy động vốn tổng hợp của các phòng giao dịch bưu điện trên từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

* Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng nhận báo cáo về số liệu huy động vốn tổng hợp của các phòng giao dịch bưu điện do Chi nhánh tiết kiệm bưu điện quản lý.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

* Loại tiền tệ phải báo cáo: VND và các ngoại tệ khác quy đổi ra VND.

* Thống kê số dư tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn của cá nhân là người cư trú tại Việt Nam tại phòng giao dịch bưu điện tại cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục số 02

NGÂN HÀNG TMCP
BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO
LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN

Tháng.....năm.....

Đơn vị: %/năm

TT	Lãi suất	VND			USD		
		Thấp nhất	Cao nhất	Phổ biến	Thấp nhất	Cao nhất	Phổ biến
1	Lãi suất tiền gửi đối với loại không kỳ hạn						
2	Lãi suất tiền gửi đối với kỳ hạn 3 tháng						
3	Lãi suất tiền gửi đối với kỳ hạn 6 tháng						
4	Lãi suất tiền gửi đối với kỳ hạn 12 tháng						
5	Lãi suất tiền gửi đối với kỳ hạn 24 tháng						
6	Lãi suất tiền gửi trên 24 tháng						

Ngày.....tháng.....năm.....

- 1. Đối tượng báo cáo:** Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.
- 2. Thời hạn báo cáo:** Chậm nhất ngày 15 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.
- 3. Hình thức gửi báo cáo:** Báo cáo điện tử qua Cục Công nghệ tin học.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi phòng giao dịch bưu điện đặt trụ sở.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

* Thống kê lãi suất cao nhất, thấp nhất, phổ biến các khoản tiền gửi mà phòng giao dịch bưu điện huy động vốn từ cá nhân phát sinh trong kỳ báo cáo và được (quy đổi) thống nhất theo mức lãi suất trả sau đối với từng kỳ hạn.

* Lãi suất phổ biến của một kỳ hạn là mức lãi suất mà trong kỳ báo cáo có tỷ trọng doanh số tiền gửi phát sinh so với tổng doanh số tiền gửi phát sinh trong kỳ tại kỳ hạn đó là lớn nhất.

www.LuatVietnam.vn

